



ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ
KHOA NGÂN HÀNG

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

CHUYÊN NGÀNH
NGÂN HÀNG
TRÌNH ĐỘ: ĐẠI HỌC

ĐÀ NẴNG, 2020

MỤC LỤC



1. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO.....	3
1.1 Giới thiệu chương trình đào tạo.....	3
1.2 Thông tin chung.....	3
1.3 Triết lý giáo dục, viễn cảnh, sứ mệnh và hệ thống giá trị của trường Đại học Kinh Tế.....	3
1.4 Mục tiêu chung của chương trình đào tạo	4
1.5 Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (CDR).....	4
1.6 Cơ hội việc làm.....	4
1.7 Tiêu chí tuyển sinh, quá trình đào tạo và điều kiện tốt nghiệp.....	5
1.7.1 Tiêu chí tuyển sinh	5
1.7.2 Quá trình đào tạo	5
1.7.3 Điều kiện xét và công nhận tốt nghiệp	5
1.8 Chiến lược giảng dạy và học tập	5
1.8.1 Chiến lược dạy học trực tiếp	6
1.8.2 Chiến lược dạy học dựa vào hoạt động	6
1.8.3 Chiến lược dạy dựa vào nghệ thuật	7
1.8.4 Chiến lược dạy kỹ năng tư duy.....	7
1.8.5 Chiến lược dạy học tương tác.....	7
1.8.6 Chiến lược dạy học theo hướng nghiên cứu.....	8
1.8.7 Chiến lược dạy học dựa vào công nghệ.....	8
1.8.8 Chiến lược tự học	8
1.9 Chiến lược và phương pháp đánh giá.....	8
1.10 Hệ thống tính điểm	9
2. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH GIẢNG DẠY.....	10
2.1. Cấu trúc chương trình giảng dạy	10
2.2. Danh sách các học phần.....	10
2.3. Ma trận đáp ứng giữa các học phần và chuẩn đầu ra (CDR) của chương trình đào tạo....	10
2.4. Sơ đồ chương trình giảng dạy.....	17
2.5. Mô tả các học phần.....	19
3. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO.....	27

1. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1.1 Giới thiệu chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo (CTĐT) ngành Ngân hàng được áp dụng tại Trường Đại học Kinh Tế, Đại học Đà Nẵng từ năm 2009. Là một trường đại học công lập nên CTĐT được xây dựng tuân thủ theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. CTĐT 2020 được sửa đổi, bổ sung trên cơ sở CTĐT 2015, áp dụng cho khóa tuyển sinh 2020 theo học chế tín chỉ. Ngoài học phần Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng, CTĐT 2020 gồm 134 tín chỉ được thiết kế với thời gian đào tạo là 4 năm; tuy nhiên sinh viên có thể hoàn thành thời gian đào tạo trong 3 năm hoặc kéo dài đến 6 năm tùy theo khả năng và điều kiện học tập.

CTĐT ngành Ngân hàng được quản lý bởi Bộ môn Ngân hàng, thuộc khoa Ngân hàng, Trường Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng. Với đội ngũ giảng viên có trình độ cao (phần lớn được đào tạo từ nhiều trường đại học danh tiếng từ các nước khác nhau như: Anh, Pháp, Úc, New Zealand ...) và cơ sở vật chất được đầu tư đổi mới và nâng cấp để phục vụ tốt hơn cho việc giảng dạy và nghiên cứu. khoa Ngân hàng hướng đến trở thành một trung tâm đào tạo hàng đầu trong lĩnh vực Ngân hàng ở miền Trung và Tây Nguyên, và là một địa chỉ đào tạo có uy tín trong cả nước, có chất lượng đào tạo sánh kịp với các trường đại học lớn trong khu vực Đông Nam Á.

1.2 Thông tin chung

Các thông tin chung về CTĐT ngành Ngân hàng được tóm lược ở Bảng 1.1.

Bảng 1.1 Thông tin chung về CTĐT

STT	Mục tin	Nội dung
1.	Tên ngành:	Ngân hàng
2.	Bậc:	Đại học
3.	Loại bằng:	Cử nhân Ngân hàng
4.	Loại hình đào tạo:	Chính qui
5.	Thời gian:	4 năm <i>(Tùy theo khả năng và điều kiện học tập, sinh viên có thể rút ngắn còn 3 năm hoặc kéo dài thời gian học tối đa đến 6 năm)</i>
6.	Số tín chỉ:	134 tín chỉ <i>(không kể các học phần Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng)</i>
7.	Khoa quản lý:	Khoa Ngân hàng, Trường Đại học Kinh Tế - ĐHDN
8.	Ngôn ngữ:	Tiếng Việt, Tiếng Anh
9.	Website:	http://due.udn.vn/vi-vn/khoa/ngan-hang
10.	Facebook:	https://www.facebook.com/due.tcnh
11.	Ban hành:	03/2020

1.3 Triết lý giáo dục, viễn cảnh, sứ mệnh và hệ thống giá trị của Trường Đại học Kinh Tế

Trường Đại học Kinh tế theo đuổi triết lý giáo dục “khai phá, tự thân và hữu ích”. Triết lý giáo dục này phù hợp với mục tiêu của nền giáo dục tiên tiến là hướng tới xây dựng một xã hội nhân văn, thịnh vượng và phát triển con người toàn diện. Triết lý này cũng phù hợp với một hệ thống giáo dục phải đảm bảo tính nhân bản, tinh thần tự do và khả năng học tập suốt đời của mỗi cá nhân, phù hợp với sứ mệnh của giáo dục đại học là giúp người học có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và giải quyết những vấn đề thuộc lĩnh vực được đào tạo. Triết lý này cũng phù hợp với nhiệm vụ hun đúc tinh thần khoa học, khơi dậy, nuôi dưỡng, phát triển tài năng của mỗi cá nhân, góp phần xây dựng một xã hội phồn vinh và tốt đẹp.

Trên cơ sở triết lý giáo dục đó, Trường Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng hướng tới giáo dục đại học có một vai trò làm “nền tảng kiến tạo xã hội tương lai” với viễn cảnh, sứ mạng, và hệ thống giá trị sau:

Viễn cảnh: Trở thành đại học nghiên cứu hàng đầu Việt Nam, đóng góp tích cực vào sự thịnh vượng của cộng đồng ASEAN và tri thức nhân loại.

Sứ mệnh: Là một trường đại học định hướng nghiên cứu, tạo dựng môi trường học thuật tiên tiến nhằm thúc đẩy khám phá, ứng dụng, chuyển giao tri thức khoa học kinh tế và quản lý, đảm bảo nền tảng thành công và năng lực học tập suốt đời cho người học, nuôi dưỡng và phát triển tài năng, giải quyết các thách thức kinh tế - xã hội phục vụ sự phát triển thịnh vượng của cộng đồng.

Hệ thống giá trị: Những giá trị được Trường Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng xây dựng, bảo vệ và phát triển trở thành nền tảng định hướng mọi hoạt động là: sự chính trực, tôn trọng, cảm thông, hợp tác, sáng tạo.

- *Sự chính trực:* thực hành các nguyên tắc đề cao sự thật, minh bạch và không gian dối.
- *Tôn trọng cá nhân:* nguyên tắc hành xử có tính nhân văn và chuẩn mực, trong đó các thành viên phải tôn trọng con người, tôn trọng các giá trị cá nhân và tôn trọng sự khác biệt.
- *Cảm thông:* tất cả thành viên hành động với tinh thần sẻ chia và đồng cảm.
- *Hợp tác:* tinh thần hỗ trợ lẫn nhau của các thành viên.
- *Sáng tạo:* đề cao tinh thần sáng tạo, khám phá và đổi mới. Các thành viên được khuyến khích theo đuổi các tư tưởng và quan điểm mới, liên tục đổi mới và chấp nhận sự khác biệt.

1.4 Mục tiêu chung của chương trình đào tạo

Sinh viên tốt nghiệp chuyên ngành Ngân hàng sau khi làm việc 3-4 năm sẽ:

- Trở thành các chuyên gia trong lĩnh vực TC-NH (**PO1**);
- Hội nhập hệ thống TC-NH toàn cầu (**PO2**);
- Có khả năng học tập suốt đời để đáp ứng tốt môi trường làm việc ngày càng năng động và hội nhập. (**PO3**).

1.5 Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (CDR)

Sinh viên ngành Ngân hàng khi tốt nghiệp có các năng lực sau:

PLO1. Áp dụng kiến thức nền tảng về kinh tế, kinh doanh và quản trị vào giải quyết các vấn đề thực tiễn.

PLO2. Áp dụng kiến thức liên ngành về tiền tệ, tài chính và ngân hàng để giải thích hoạt động các thị trường và các định chế tài chính.

PLO3. Thực hiện được các hoạt động kinh doanh ngân hàng và các định chế tài chính khác.

PLO4. Đánh giá được các hoạt động kinh doanh của ngân hàng và các định chế tài chính khác.

PLO5. Đề xuất các giải pháp hiệu quả để nâng cao chất lượng hoạt động ngân hàng và các định chế tài chính.

PLO6. Có kỹ năng làm việc nhóm hiệu quả để giải quyết các công việc trong hoạt động ngân hàng và các ngành công nghiệp tài chính liên quan.

PLO7. Có kỹ năng thuyết trình và giao tiếp hiệu quả trong môi trường làm việc chuyên nghiệp.

PLO8. Có năng lực sử dụng tiếng Anh trong môi trường làm việc chuyên nghiệp toàn cầu.

PLO9. Có năng lực ứng dụng công nghệ thông tin để thực hiện các công việc của ngân hàng và các ngành công nghiệp tài chính khác.

PLO10. Có năng lực học tập suốt đời để phát triển bản thân và nghề nghiệp.

PLO11. Có tư duy phản biện và tác phong làm việc chuyên nghiệp.

PLO12. Có ý thức trách nhiệm với xã hội

1.6 Cơ hội việc làm

Sau khi tốt nghiệp chương trình đào tạo Cử nhân ngành Ngân hàng, sinh viên có thể làm việc ở nhiều lĩnh vực khác nhau như làm kế toán hoặc kiểm soát nội bộ tại các doanh nghiệp (kể cả ngân hàng); làm Ngân hàng tại các công ty Ngân hàng độc lập hoặc Ngân hàng nhà nước; tư vấn thuế, kế toán, tài chính tại các công ty cung cấp dịch vụ tư vấn. Sinh viên sau khi tốt nghiệp có thể làm việc tại các doanh nghiệp trong nước và nước ngoài, đặc biệt là các công ty Ngân hàng lớn trên thế giới thuộc nhóm Big4.

1.7 Tiêu chí tuyển sinh, quá trình đào tạo và điều kiện tốt nghiệp

1.7.1 Tiêu chí tuyển sinh

Thí sinh nộp đơn dự tuyển vào ngành Ngân hàng phải:

1. Tốt nghiệp trung học phổ thông;
2. Các môn tham gia kỳ thi tốt nghiệp phổ thông trung học quốc gia có 3 môn được đăng ký xét tuyển bao gồm các tổ hợp sau: i) Toán, Lý, Hóa; hoặc ii) Toán, Lý, Anh, hoặc iii) Văn, Toán, Anh; hoặc iv) Toán, Khoa học tự nhiên, Anh; và có tổng điểm của ba môn xét tuyển ít nhất bằng điểm xét tuyển của Trường Đại Học Kinh Tế - Đại học Đà Nẵng; hoặc
3. Đáp ứng các tiêu chí xét tuyển thẳng vào Trường Đại học Kinh tế được quy định tại <https://due.udn.vn/vi-vn/tuvantuyensinh2020>

1.7.2 Quá trình đào tạo

CTĐT ngành Ngân hàng được thiết kế theo hệ thống tín chỉ, gồm 134 tín chỉ (không kể 4 tín chỉ của học phần giáo dục thể chất). Quá trình đào tạo tuân thủ theo quy định của Bộ giáo dục và Đào tạo (cụ thể là Quyết định 17/VBHN-BGDĐT). CTĐT được thiết kế với thời gian đào tạo là 4 năm, nhưng người học có thể rút ngắn còn 3 năm hoặc kéo dài thời gian học tối đa đến 6 năm. Mỗi năm học có hai học kỳ chính (học kỳ 1 bắt đầu từ giữa tháng 8 đến cuối tháng 12, học kỳ 2 bắt đầu từ tháng 1 đến cuối tháng 5) và một học kỳ hè (từ đầu tháng 7 đến giữa tháng 8). Theo lộ trình được thiết kế, sinh viên được học các học phần thuộc khối kiến thức đại cương (gồm 50 tín chỉ) ở năm học đầu tiên và một số học phần ở năm học thứ 2; các học phần thuộc khối kiến thức ngành kinh doanh (30 tín chỉ) ở năm học thứ 2 và một số học phần ở năm 3; và các học phần thuộc khối kiến thức ngành Ngân hàng ở 2 năm cuối.

1.7.3 Điều kiện xét và công nhận tốt nghiệp

Sinh viên được trường xét và công nhận tốt nghiệp khi có đủ các điều kiện sau:

- Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;
- Tích lũy đủ số học phần và khối lượng tín chỉ của chương trình đào tạo được quy định;
- Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,00 trở lên;
- Thỏa mãn một số yêu cầu về kết quả học tập đối với nhóm học phần thuộc ngành đào tạo chính và các điều kiện khác do hiệu trưởng quy định;
- Có chứng chỉ giáo dục quốc phòng – an ninh, và đã hoàn thành học phần giáo dục thể chất; và
- Có đơn gửi Phòng đào tạo đề nghị được xét tốt nghiệp.

1.8 Chiến lược giảng dạy và học tập

Hoạt động dạy và học được thiết kế cho CTĐT ngành Ngân hàng nhằm đảm bảo người học không những phát triển năng lực về kiến thức, mà còn cả năng lực về kỹ năng, và thái độ. Chiến lược giảng dạy và học tập được áp dụng đa dạng nhằm giúp cho người học đạt được các chuẩn đầu ra của CTĐT ngành Ngân hàng về kiến thức, kỹ năng, thái độ và hành vi. Chiến lược giảng dạy và học tập gồm tám nhóm lớn: dạy học trực tiếp, dạy học dựa vào hoạt

động, dạy học dựa vào nghệ thuật, dạy kỹ năng tư duy, dạy học tương tác, dạy học theo hướng nghiên cứu, dạy học dựa vào công nghệ, và tự học.

Việc áp dụng đa dạng các chiến lược dạy và học khác nhau này nhằm giúp sinh viên không những có kiến thức nền tảng chuyên môn và kiến thức xã hội mà còn có khả năng sử dụng các kiến thức này để cộng tác với người khác và phát triển năng lực, điểm mạnh của cá nhân. Từ đó hình thành các kỹ năng cá nhân như kỹ năng giao tiếp, thương lượng, làm việc nhóm. Các chiến lược và phương pháp dạy học được sử dụng trong chương trình đào tạo cụ thể như sau:

1.8.1 Chiến lược dạy học trực tiếp

Dạy học trực tiếp là chiến lược dạy học trong đó thông tin được chuyển tải đến với người học theo cách trực tiếp, giáo viên trình bày và sinh viên lắng nghe. Chiến lược dạy học này thường được áp dụng trong các lớp học truyền thống và có hiệu quả khi muốn truyền đạt cho người học những thông tin cơ bản, hoặc giải thích một kỹ năng mới.

Các phương pháp giảng dạy theo chiến lược này được chương trình đào tạo ngành Ngân hàng áp dụng gồm phương pháp giải thích cụ thể (Explicit Teaching), thuyết giảng (Lecture), phương pháp tham luận (Guest Lecture), câu hỏi gợi mở (Inquiry) và các phương pháp khác.

Giải thích cụ thể (Explicit Teaching): Giảng viên hướng dẫn và giải thích chi tiết cụ thể các nội dung liên quan đến bài học, giúp cho sinh viên đạt được mục tiêu dạy học về kiến thức và kỹ năng.

Thuyết giảng (Lecture): Giảng viên trình bày nội dung bài giảng và giải thích các nội dung trong bài giảng. Giáo viên là người thuyết trình, diễn giảng. Sinh viên chỉ nghe giảng ghi chú để tiếp nhận các kiến thức mà giáo viên truyền đạt.

Tham luận (Guest Lecture): Theo phương pháp này, sinh viên được tham gia vào các khóa học mà người diễn giảng, thuyết trình không phải là giảng viên mà là những người đến từ các doanh nghiệp bên ngoài. Thông qua những kinh nghiệm và hiểu biết của diễn giả giúp sinh viên hình thành kiến thức tổng quan hay cụ thể về chuyên ngành đào tạo.

Câu hỏi gợi mở (Inquiry): Trong tiến trình dạy học, giảng viên sử dụng các câu hỏi gợi mở hay các vấn đề, và hướng dẫn giúp sinh viên từng bước trả lời câu hỏi. Sinh viên có thể tham gia thảo luận theo nhóm để cùng nhau giải quyết bài toán, vấn đề đặt ra.

Các phương pháp khác: Ngoài các phương pháp dạy học phổ biến như đã đề cập ở trên, giảng viên có thể áp dụng các phương pháp dạy học trực tiếp như phương pháp minh họa (demonstration).

1.8.2 Chiến lược dạy học dựa vào hoạt động

Chiến lược dạy học dựa vào hoạt động khuyến khích sinh viên học bằng cách thực hành. Điều này sẽ thúc đẩy sinh viên khám phá, lựa chọn, giải quyết vấn đề và tương tác với các đối tượng khác. Các phương pháp giảng dạy theo chiến lược này được chương trình đào tạo ngành Ngân hàng áp dụng gồm: Trò chơi (game), thực tập/ thực tế (field trip), tranh luận (debates), và thảo luận (discussion).

Trò chơi (Game): Trò chơi là các hoạt động đầy thử thách, mô phỏng, hoặc các cuộc thi (cạnh tranh và hợp tác) được chơi theo một bộ quy tắc rõ ràng. Trò chơi cung cấp cho sinh viên cơ hội nâng cao kiến thức thực tế, ra quyết định và kỹ năng giao tiếp. Trò chơi được thiết kế để đạt được những kỳ vọng được xác định rõ ràng như làm việc theo nhóm, phát triển kỹ năng hoặc cải thiện giao tiếp. Quy tắc trò chơi giúp sinh viên nhận ra rằng quyết định của họ có ảnh hưởng như thế nào đến bản thân họ cũng như đến những người tham gia khác.

Thực tập, thực tế (Field Trip): Thông qua các hoạt động tham quan, thực tập, đi thực tế tại các công ty để giúp sinh viên hiểu được môi trường làm việc thực tế của ngành đào tạo, học hỏi các công nghệ đang được áp dụng trong lĩnh vực ngành đào tạo, hình thành kỹ năng nghề nghiệp và văn hóa làm việc trong công ty. Phương pháp này không những giúp sinh viên hình thành kiến thức, kỹ năng mà còn tạo cơ hội nghề nghiệp cho sinh viên sau khi tốt nghiệp.

Tranh luận (Debates): Là tiến trình dạy học trong đó giảng viên đưa ra một vấn đề liên quan đến nội dung bài học, sinh viên có thể đưa ra các quan điểm trái ngược nhau về vấn đề đó nhưng phải phân tích, lý giải, thuyết phục người nghe ủng hộ quan điểm của mình. Thông qua hoạt động dạy học này, sinh viên hình thành các kỹ năng như tư duy phản biện, thương lượng, đưa ra quyết định, và kỹ năng giao tiếp.

Thảo luận (Discussion): Là phương pháp dạy học, trong đó sinh viên được chia thành các nhóm và tham gia thảo luận để đưa ra những quan điểm cho một vấn đề nào đó được giảng viên đặt ra. Phương pháp này giúp sinh viên hình thành kỹ năng phân tích các định nghĩa, quan điểm, hay dữ liệu về một đề tài. Từ đó, sinh viên có thể liên kết các quan điểm để hiểu được ý nghĩa của vấn đề.

1.8.3 Chiến lược dạy dựa vào nghệ thuật

Nghiên cứu về nghệ thuật giúp sinh viên phát triển các khía cạnh trí tuệ, sáng tạo, xã hội, cảm xúc và thể chất trong cuộc sống của họ. Kỹ năng giao tiếp được phát triển, từ đó thúc đẩy sự tự tin và phát triển sự sáng tạo trong tất cả các môn học. Theo chiến lược này, phương pháp đóng vai (Role Play) được sử dụng trong chương trình đào tạo ngành Ngân hàng.

Đóng vai (Role play): Là phương pháp mà người học giả định các vai trò khác nhau trong một tình huống học tập có tương tác giữa các cá nhân.

1.8.4 Chiến lược dạy kỹ năng tư duy

Chiến lược dạy kỹ năng tư duy phát triển tư duy phê phán, kỹ năng đặt câu hỏi, kỹ năng phân tích, và thực hành phản xạ trong cách tiếp cận học tập của sinh viên. Những chiến lược này cũng được thiết kế để thúc đẩy tư duy và học tập sáng tạo và độc lập cho sinh viên. Các phương pháp thuộc chiến lược này gồm giải quyết vấn đề (problem solving), tập kích não (brainstorming), và học theo tình huống (case study).

Giải quyết vấn đề (Problem Solving): Trong tiến trình dạy và học, người học làm việc với vấn đề được đặt ra và học được những kiến thức mới thông qua việc trao đổi vấn đề cần giải quyết. Thông qua quá trình tìm giải pháp cho vấn đề đặt ra, sinh viên đạt được kiến thức và kỹ năng theo yêu cầu của môn học.

Tập kích não (Brainstorming): Người học theo từng nhóm suy nghĩ, cùng đưa ra ý tưởng.

Học theo tình huống (Case Study): Đây là phương pháp hướng đến cách tiếp cận dạy học lấy người học làm trung tâm, giúp người học hình thành kỹ năng tư duy phản biện, giao tiếp. Theo phương pháp này, giáo viên liên hệ các tình huống, vấn đề hay thách thức trong thực tế và yêu cầu sinh viên giải quyết, giúp sinh viên hình thành kỹ năng giải quyết vấn đề, và kỹ năng ra quyết định.

1.8.5 Chiến lược dạy học tương tác

Chiến lược dạy học tương tác giúp sinh viên trở nên năng động, có trách nhiệm, có tính hợp tác, lắng nghe, và tôn trọng người khác bằng cách thúc đẩy các tương tác nhóm tích cực. Trọng tâm của việc học tương tác là làm cho sinh viên tương tác thành công với nhau và chuyển những kỹ năng đó thành những tương tác hiệu quả trong xã hội. Học nhóm là một phương pháp được áp dụng theo chiến lược này cho chương trình đào tạo ngành Ngân hàng.

Học nhóm (Teamwork Learning): Sinh viên được tổ chức thành các nhóm nhỏ để cùng nhau giải quyết các vấn đề được đặt ra và trình bày kết quả của nhóm thông qua báo cáo hay thuyết trình trước các nhóm khác và giảng viên.

1.8.6 Chiến lược dạy học theo hướng nghiên cứu

Chiến lược dạy học theo hướng nghiên cứu khuyến khích mức độ tư duy phê phán cao. Sinh viên xác định các câu hỏi nghiên cứu, tìm các phương pháp phù hợp để giải quyết vấn đề, hoặc báo cáo các kết luận dựa trên các bằng chứng thu thập được. Chương trình đào tạo ngành Ngân hàng sử dụng phương pháp dự án nghiên cứu (Research Project) trong chiến lược này.

Dự án nghiên cứu (Research Project): Người học nghiên cứu một chủ đề nào đó liên quan đến môn học và viết báo cáo.

1.8.7 Chiến lược dạy học dựa vào công nghệ

Chiến lược dạy học dựa vào công nghệ đóng vai trò quan trọng đối với môi trường học tập hiện đại. Áp dụng chiến lược này, các môn thuộc chương trình đào tạo ngành Ngân hàng áp dụng rộng rãi phương pháp học trực tuyến (E-learning).

Học trực tuyến (E-learning): Là phương pháp mà ở đó giáo viên và sinh viên sử dụng các công cụ trực tuyến hỗ trợ cho quá trình dạy và học (công nghệ thông tin E-Learning của Trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng, Emodo, Peergrade,...).

1.8.8 Chiến lược tự học

Chiến lược tự học giúp sinh viên tiếp thu các kiến thức và hình thành các kỹ năng để có thể tự định hướng, chủ động và độc lập trong việc học. Sinh viên có cơ hội lựa chọn chủ đề học, khám phá và nghiên cứu sâu về một vấn đề. Từ đó, sinh viên có thể hình thành các kỹ năng quản lý thời gian và tự giám sát việc học. Phương pháp học theo chiến lược này được áp dụng chủ yếu là phương pháp bài tập ở nhà dưới hình thức bài tập cuối chương.

Bài tập ở nhà (Work Assignment): Theo phương pháp này, sinh viên được giao nhiệm vụ làm việc ở nhà với những nội dung và yêu cầu do giáo viên đặt ra. Thông qua việc hoàn thành các nhiệm vụ được giao ở nhà này, sinh viên học được cách tự học, cũng như đạt được những nội dung về kiến thức cũng như kỹ năng theo yêu cầu.

1.9 Phương pháp đánh giá

Đánh giá kết quả học tập của sinh viên là quá trình ghi chép, lưu giữ và cung cấp thông tin về sự tiến bộ của người học trong suốt quá trình dạy học. Việc đánh giá đảm bảo nguyên tắc rõ ràng, chính xác, khách quan và phân hóa, thường xuyên liên tục và định kỳ. Yêu cầu và tiêu chí đánh giá cụ thể được thiết kế và công bố cho người học ngay khi bắt đầu học kỳ.

Các thông tin về đánh giá được cung cấp và chia sẻ kịp thời cho các bên liên quan gồm người dạy, người học, và người quản lý. Từ đó, kịp thời có những điều chỉnh về các hoạt động dạy học, đảm bảo định hướng và đạt được mục tiêu dạy học.

Các phương pháp đánh giá được áp dụng trong chương trình Ngân hàng một cách đa dạng và linh hoạt. Tùy thuộc vào chuẩn đầu ra và phương pháp dạy-học của từng học phần, các phương pháp đánh giá phù hợp được lựa chọn nhằm đảm bảo cung cấp đầy đủ thông tin để đánh giá mức độ tiến bộ của sinh viên cũng như hiệu quả đạt được của tiến trình dạy và học.

Các phương pháp đánh giá được áp dụng trong CTĐT Ngân hàng gồm đánh giá sự tham gia, đóng góp trong giờ học (in-class participation), bài tập (work assignment), thuyết trình (oral presentation), đánh giá hoạt động (performance test), kiểm tra viết (written exam), kiểm tra trắc nghiệm (multiple-choice exam), bảo vệ và thi vấn đáp (oral exam), viết báo cáo (written report), đánh giá làm việc nhóm (teamwork assessment), báo cáo thực tập/khóa luận tốt nghiệp (graduation report/thesis). Áp dụng các phương pháp đánh giá phi truyền thống khác nhau thúc đẩy sự tư duy của sinh viên trong việc học. Các phương pháp đánh giá phi truyền thống được cụ thể hóa thành các tiêu chí đánh giá và mức độ thể hiện kỳ vọng đối với người học (rubrics), giúp sinh viên biết những gì họ được kỳ vọng trong mỗi tiêu chí đánh giá; từ đó kết quả đánh giá giúp người học cải thiện phương pháp học tập để đạt được chuẩn đầu ra của học phần cũng như chương trình.

Sau đây là các phương pháp đánh giá được áp dụng trong chương trình Ngân hàng:

- **Đánh giá sự tham gia, đóng góp trong giờ học (In-class participation):** Ngoài thời gian tự học, sự tham gia thường xuyên của sinh viên cũng như những đóng góp của sinh viên trong học phần cũng phản ánh thái độ học tập của sinh viên. Bên cạnh đó, tích cực tham gia đóng góp xây dựng bài giúp sinh viên rèn luyện kỹ năng giao tiếp, trình bày quan điểm trước nhiều người.

- **Đánh giá bài tập (Work Assignment):** Sinh viên được yêu cầu thực hiện một số nội dung liên quan đến bài học trong giờ học hoặc sau giờ học trên lớp. Các bài tập này có thể được thực hiện bởi cá nhân hoặc nhóm.

- **Đánh giá thuyết trình (Oral Presentation):** Trong một số môn học thuộc CTĐT ngành Ngân hàng, sinh viên được yêu cầu làm việc theo nhóm để giải quyết một vấn đề, tình huống hay nội dung liên quan đến bài học và trình bày kết quả của nhóm mình trước các nhóm khác. Hoạt động này không những giúp sinh viên đạt được những kiến thức chuyên ngành mà còn giúp sinh viên phát triển các kỹ năng có thể chuyển đổi (transferable skills) như kỹ năng giao tiếp, thương lượng, làm việc nhóm,...

- **Đánh giá hoạt động (Performance test):** Sinh viên được yêu cầu thực hiện một số hoạt động cụ thể theo các yêu cầu về kiến thức và kỹ năng của môn học.

- **Nhật ký học tập (Journal and blogs):** Sinh viên được yêu cầu viết nhật ký về các công việc đã thực hiện và các trải nghiệm tiếp nhận được trong suốt quá trình học.

- **Kiểm tra tự luận (Essay):** Theo phương pháp đánh giá này, sinh viên được yêu cầu trả lời một số câu hỏi, làm bài tập hay đưa ra ý kiến cá nhân về những vấn đề chủ yếu liên quan đến các chuẩn đầu ra về kiến thức và kỹ năng nghề nghiệp của học phần.

- **Kiểm tra trắc nghiệm (Multiple Choice Exam):** Sinh viên được yêu cầu trả lời các câu hỏi dựa trên lựa chọn đáp án đúng nhất trong số các gợi ý trả lời được thiết kế và in sẵn trong đề thi.

- **Thi vấn đáp (Oral Exam):** Trong phương pháp đánh giá này, sinh viên được đánh giá thông qua phỏng vấn, hỏi - đáp trực tiếp. Phương pháp này có thể đánh giá tốt mức độ hiểu vấn đề của người học vì sinh viên có cơ hội giải thích rõ hơn câu trả lời của mình.

- **Viết Báo cáo (Written Report):** Sinh viên được đánh giá thông qua sản phẩm báo cáo, bao gồm cả nội dung trình bày trong báo cáo, cách thức trình bày thuyết minh, bảng biểu và hình ảnh trong báo cáo.

- **Đánh giá làm việc nhóm (Teamwork Assessment):** Đánh giá làm việc nhóm được áp dụng khi triển khai hoạt động dạy học theo nhóm và được dùng để đánh giá các kỹ năng làm việc nhóm của sinh viên như tổ chức nhóm làm việc, thái độ hợp tác giữa các thành viên trong nhóm, và trách nhiệm đối với công việc chung.

- **Báo cáo thực tập/Khóa luận tốt nghiệp (Graduation Report/Thesis):** Báo cáo thực tập tốt nghiệp hay khóa luận tốt nghiệp của sinh viên được đánh giá gồm 2 phần chính là viết và trình bày (dưới dạng thi vấn đáp hoặc thuyết trình) báo cáo/luận văn tốt nghiệp.

1.10 Hệ thống tính điểm

Sinh viên theo học chương trình Ngân hàng được đánh giá theo hệ thống tính điểm áp dụng thống nhất cho cả Trường Đại học Kinh tế được quy định bởi Bộ Giáo dục và Đào tạo, cụ thể:

- Thang điểm 10 được sử dụng để đánh giá học phần bao gồm các điểm thành phần, điểm thi cuối kỳ và điểm học phần. Điểm học phần bằng tổng các điểm thành phần nhân với trọng số tương ứng.
- Thang điểm chữ dùng để phân loại kết quả học dựa trên điểm học phần.
- Thang điểm 4 được dùng khi tính điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy để đánh giá kết quả học tập của sinh viên.

Cách qui đổi từ điểm thang 10 thành điểm thang 4 được tóm tắt ở Bảng 1.2.

Bảng 1.2. Hệ thống thang điểm của Trường Đại học Kinh Tế, Đại học Đà Nẵng

Phân loại		Thang điểm 10	Thang điểm chữ	Thang điểm 4
Đạt	Giỏi	Từ 8.5 đến 10	A	4.0
	Khá	Từ 7.0 đến 8.4	B	3.0
	Trung bình	Từ 5.5 đến 6.9	C	2.0
	Trung bình yếu	Từ 4.0 đến 5.5	D	1.0
Không đạt	Kém	Nhỏ hơn 4.0	F	0

2. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH GIẢNG DẠY

2.1. Cấu trúc chương trình giảng dạy

Chương trình giảng dạy được chia thành 3 khối kiến thức, trong đó có các học phần bắt buộc và học phần tự chọn với số tín chỉ trong mỗi khối được cho trong Bảng 2.1.

Bảng 2.1 Các khối kiến thức và số tín chỉ

STT	Khối kiến thức	Số tín chỉ	
		Bắt buộc	Tự chọn
I	Kiến thức chung toàn trường	51	0
II	Kiến thức khối ngành (kinh doanh)	30	0
III	Kiến thức ngành	33	20
Tổng số		113	20
		134	

Khối kiến thức chung: khối kiến thức chung (kiến thức đại cương) cung cấp cho sinh viên các kiến thức về kinh tế, quản lý và luật.

Khối kiến thức khối ngành (kinh doanh): cung cấp cho sinh viên các kiến thức kinh doanh và quản lý. Khối kiến thức này là những học phần chung cho tất cả các ngành kinh doanh ở Trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng. Điều này tạo ra mối liên hệ liên mạch giữa CTĐT Ngân hàng và các ngành kinh doanh khác như ngân hàng, tài chính doanh nghiệp, thương mại,...

Khối kiến thức ngành: trang bị cho sinh viên kế toán những kiến thức chuyên sâu để có thể thực hiện tốt công việc sau khi ra trường.

2.2. Danh sách các học phần

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tiết			Số tín chỉ
			Lý thuyết	Thực hành, thảo luận	Tổng	
I. Học phần chung toàn Trường						
1	SMT1001	Các nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin phần 1	21	9	30	2
2	SMT1002	Các nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin phần 2	39	6	45	3
3	SMT1003	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	36	9	45	3
4	SMT1004	Tư tưởng Hồ Chí Minh	24	6	30	2
5	LAW1001	Pháp luật đại cương	21	9	30	2
6	TOU1001	Giao tiếp trong kinh doanh	22	23	45	3
7	ENG1011	PRE-IELTS 1	22	23	45	3
8	ENG1012	PRE-IELTS 2	20	10	30	2

Chương trình đào tạo ngành Ngân hàng

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tiết			Số tín chỉ
			Lý thuyết	Thực hành, thảo luận	Tổng	
9	ENG1013	IELTS BEGINNERS 1	20	25	45	3
10	ENG1014	IELTS BEGINNERS 2	16	14	30	2
11	ENG2011	IELTS PRE-INTERMEDIATE 1	30	15	45	3
12	ENG2012	IELTS PRE-INTERMEDIATE 2	30	0	30	2
13	ENG2013	IELTS INTERMEDIATE 1	17	28	45	3
14	ENG2014	IELTS INTERMEDIATE 2	7	23	30	2
15	MIS1001	Tin học văn phòng	22	23	45	3
16	MAT1001	Toán ứng dụng trong kinh tế	45	0	45	3
17	MGT1001	Kinh tế vi mô	36	9	45	3
18	ECO1001	Kinh tế vĩ mô	38	7	45	3
19	MGT1002	Quản trị học	30	15	45	3
II. Học phần chung khối ngành						
26	ACC1001	Nguyên lý kế toán	30	15	45	3
27	MKT2001	Marketing căn bản	34	11	45	3
28	MIS2002	Hệ thống thông tin quản lý	30	15	45	3
29	HRM2001	Hành vi tổ chức	30	15	45	3
30	STA2002	Thống kê kinh doanh và kinh tế	33	12	45	3
31	FIN2001	Thị trường và các định chế tài chính	30	15	45	3
32	MGT2002	Nhập môn kinh doanh	27	18	45	3
33	IBS2001	Kinh doanh quốc tế	36	9	45	3
34	LAW2001	Luật kinh doanh	30	15	45	3
35	ENG3001	Tiếng Anh kinh doanh	12	33	45	3
III. Học phần chung của ngành						
Học phần bắt buộc						
36	BAN2001	Tài chính công	31	14	45	3
37	BAN3001	Định giá tài sản	30	15	45	3
38	BAN3002	Toán tài chính	30	15	45	3
39	FIN3002	Đầu tư tài chính	33	12	45	3
40	FIN3004	Tài chính công ty	34	11	45	3
Học phần tự chọn						
<i>Chọn ít nhất 5 tín chỉ trong các học phần tự chọn sau:</i>						
41	HOS3001	Marketing dịch vụ	30	15	45	3
42	MKT3002	Nghiên cứu marketing	30	15	45	3
43	BAN3015	Kinh tế bảo hiểm	15	15	30	2
44	IBS2003	Giao dịch thương mại quốc tế	30	15	45	3
IV. Học phần chuyên ngành						
Học phần bắt buộc						
50	BAN3003	Nghiệp vụ ngân hàng	32	13	45	3

Chương trình đào tạo ngành Ngân hàng

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tiết			Số tín chỉ
			Lý thuyết	Thực hành, thảo luận	Tổng	
51	BAN3004	Kế toán ngân hàng	12	33	45	3
52	BAN3005	Quản trị ngân hàng	30	15	45	3
53	BAN3006	Thanh toán quốc tế	30	15	45	3
54	BAN3007	Phân tích tín dụng và cho vay	30	15	45	3
55	BAN3008	Tài chính cá nhân	10	35	45	3
Học phần tự chọn						
<i>Chọn ít nhất 5 tín chỉ trong các học phần tự chọn sau:</i>						
56	ACC2003	Kế toán tài chính	20	25	45	3
57	ACC3004	Phân tích tài chính doanh nghiệp	30	15	45	3
58	BAN3014	Thuế	30	15	45	3
59	FIN3001	Tài chính quốc tế	30	15	45	3
60	RMD3001	Phương pháp nghiên cứu khoa học	17	13	30	2
V. Thực tập cuối khóa						
Hình thức 1						
61	BAN4001	Báo cáo thực tập tốt nghiệp	0	60	60	4
Hình thức 2						
62	BAN4002	Khóa luận tốt nghiệp	0	150	150	10

2.3. Ma trận đáp ứng giữa các học phần và chuẩn đầu ra (CDR) của chương trình đào tạo

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Chuẩn đầu ra												
				PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10	PLO11	PLO12	
I	Học phần chung toàn trường															
1	SMT1004	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	X									X	X	X	
2	SMT1005	Triết học Mác - Lênin	3	X									X	X	X	
3	SMT1006	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	X									X	X	X	
4	SMT1007	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	X									X	X	X	
5	SMT1008	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	X									X	X	X	
6	ENG1011	PRE-IELTS 1	3						X	X	X		X			
7	ENG1012	PRE-IELTS 2	2						X	X	X		X			
8	ENG1013	IELTS BEGINNERS 1	3						X	X	X		X			

Chương trình đào tạo ngành Ngân hàng

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Chuẩn đầu ra											
				PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8	PLO 9	PLO 10	PLO 11	PLO 12
9	ENG1014	IELTS BEGINNERS 2	2						X	X	X		X		
10	ENG2011	IELTS PRE-INTERMEDIATE 1	3						X	X	X		X		
11	ENG2012	IELTS PRE-INTERMEDIATE 2	2						X	X	X		X		
12	ENG2013	IELTS INTERMEDIATE 1	3						X	X	X		X		
13	ENG2014	IELTS INTERMEDIATE 2	2						X	X	X		X		
14	ECO1001	Kinh tế vĩ mô	3	X					X	X			X		X
15	MGT1001	Kinh tế vi mô	3	X						X			X		X
16	MGT1002	Quản trị học	3	X					X	X			X	X	X
17	LAW1001	Pháp luật đại cương	2	X					X	X			X	X	X
18	MAT1001	Toán ứng dụng trong kinh tế	3	X									X		
19	MIS1001	Tin học văn phòng	3						X	X		X	X		
20	TOU1001	Giao tiếp trong kinh doanh	3	X					X	X			X	X	X
II	Học phần chung khối ngành														
21	ACC1001	Nguyên lý kế toán	3	X					X	X			X		X
22	ENG3001	Tiếng Anh kinh doanh	3	X					X	X	X		X		
23	FIN2001	Thị trường và các định chế tài chính	3	X	X				X	X	X		X		
24	HRM2001	Hành vi tổ chức	3	X					X	X	X		X	X	X
25	IBS2001	Kinh doanh quốc tế	3	X	X				X	X	X		X		
26	LAW2001	Luật kinh doanh	3	X	X				X	X			X	X	X
27	MGT2002	Nhập môn kinh doanh	3	X					X	X			X		X
28	MIS2002	Hệ thống thông tin quản lý	3	X	X				X	X		X	X		X
29	MKT2001	Marketing căn bản	3	X	X				X	X			X		
30	STA2002	Thống kê kinh doanh và kinh tế	3	X	X				X	X		X	X	X	X
III	Học phần chung của ngành														
31	BAN2001	Tài chính công	3	X	X				X	X					X

Chương trình đào tạo ngành Ngân hàng

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Chuẩn đầu ra												
				PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8	PLO 9	PLO 10	PLO 11	PLO 12	
32	BAN3001	Định giá tài sản	3		X	X				X	X		X	X	X	X
33	BAN3002	Toán tài chính	3		X	X	X			X	X					
34	FIN3002	Đầu tư tài chính	3		X	X			X			X				X
35	FIN3004	Tài chính công ty	3		X	X			X			X				X
36	BAN3015	Kinh tế bảo hiểm	2		X	X	X		X	X					X	
37	HOS3001	Marketing dịch vụ	3		X	X		X	X	X					X	
38	IBS2003	Giao dịch thương mại quốc tế	3	X					X	X	X				X	X
39	MKT3002	Nghiên cứu Marketing	3	X					X	X	X	X	X	X	X	
IV	<i>Học phần chuyên ngành</i>															
40	BAN3003	Nghiệp vụ ngân hàng	3		X	X	X	X	X	X						
41	BAN3004	Kế toán ngân hàng	3		X	X	X	X	X	X		X	X	X	X	X
42	BAN3005	Quản trị ngân hàng	3		X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
43	BAN3006	Thanh toán quốc tế	3			X	X	X	X	X	X					
44	BAN3007	Phân tích tín dụng và cho vay	3		X	X	X	X	X	X		X			X	X
45	BAN3008	Tài chính cá nhân	3		X	X	X		X	X	X	X	X	X	X	
46	ACC2003	Kế toán tài chính	3		X	X				X						X
47	ACC3004	Phân tích tài chính doanh nghiệp	3		X	X			X	X					X	X
48	BAN3014	Thuế	3		X	X	X		X	X					X	X
49	FIN3001	Tài chính quốc tế	3		X	X	X		X		X				X	X
50	FIN3003	Công cụ tài chính phái sinh	3			X	X	X							X	X
51	RMD3001	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2				X	X	X	X		X	X	X	X	
V	<i>Thực tập cuối khóa</i>															
52	BAN4001	Báo cáo thực tập tốt nghiệp	4			X	X	X		X	X	X	X	X	X	X
53	BAN4002	Khóa luận tốt nghiệp	10		X	X	X	X		X	X	X	X	X	X	X
Tổng số học phần đóng góp vào PLO					2 4	2 3	1 9	1 4	1 0	4 1	4 3	2 1	1 4	3 8	2 7	3 1

ST T	Mã học phần	Tên học phần	P L O 1	P L O 2	P L O 3	P L O 4	P L O 5	P L O 6	P L O 7	P L O 8	P L O 9	P L O 10	P L O 11	P L O 12
I. Học phần chung toàn Trường														
1	SMT1001	Các nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin phần 1	X										X	
2	SMT1002	Các nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin phần 2	X										X	
3	SMT1003	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	X											X
4	SMT1004	Tư tưởng Hồ Chí Minh	X										X	
5	LAW1001	Pháp luật đại cương	X										X	X
6	TOU1001	Giao tiếp trong kinh doanh						X	X	X				X
7	ENG1011	PRE-IELTS 1							X	X	X			
8	ENG1012	PRE-IELTS 2							X	X	X			
9	ENG1013	IELTS BEGINNERS 1							X	X	X			
10	ENG1014	IELTS BEGINNERS 2							X	X	X			
11	ENG2011	IELTS PRE-INTERMEDIATE 1							X	X	X			
12	ENG2012	IELTS PRE-INTERMEDIATE 2								X	X			
13	ENG2013	IELTS INTERMEDIATE 1							X	X	X			
14	ENG2014	IELTS INTERMEDIATE 2								X	X			
15	MIS1001	Tin học văn phòng							X	X		X		
16	MAT1001	Toán ứng dụng trong kinh tế	X							X		X		
17	MGT1001	Kinh tế vi mô	X							X				
18	ECO1001	Kinh tế vĩ mô	X					X		X			X	
19	MGT1002	Quản trị học	X					X	X				X	X
II. Học phần chung khối ngành														
26	ACC1001	Nguyên lý kế toán		X				X						
27	MKT2001	Marketing căn bản	X							X				
28	MIS2002	Hệ thống thông tin quản lý				X		X	X			X		X
29	HRM2001	Hành vi tổ chức						X	X					X
30	STA2002	Thống kê kinh doanh và kinh tế	X					X				X		
31	FIN2001	Thị trường và các	X		X			X	X					

Chương trình đào tạo ngành Ngân hàng

ST T	Mã học phần	Tên học phần	P L O 1	P L O 2	P L O 3	P L O 4	P L O 5	P L O 6	P L O 7	P L O 8	P L O 9	P L O 10	P L O 11	P L O 12
		định chế tài chính												
32	MGT2002	Nhập môn kinh doanh	X					X						
33	IBS2001	Kinh doanh quốc tế	X					X		X				
34	LAW2001	Luật kinh doanh	X										X	X
35	ENG3001	Tiếng Anh kinh doanh							X	X	X			
III. Học phần chung của ngành														
<i>Học phần bắt buộc</i>														
36	ACC2001	Kế toán tài chính 1		X	X			X		X				X
37	AUD2001	Ngân hàng căn bản		X		X				X			X	X
38	AUD3001	Ngân hàng tài chính 1		X			X			X			X	X
39	ACC3006	Phân tích báo cáo tài chính và định giá doanh nghiệp				X		X	X				X	
40	AUD3004	Kiểm soát nội bộ				X	X	X	X	X				X
<i>Học phần tự chọn</i>														
<i>Chọn ít nhất 5 tín chỉ trong các học phần tự chọn sau:</i>														
41	ACC3009	Kế toán quốc tế		X				X			X			
42	BAN3003	Nghiệp vụ ngân hàng	X										X	
43	BAN3004	Kế toán ngân hàng	X	X						X				X
44	BAN3006	Thanh toán quốc tế	X					X	X					
45	MGT3001	Quản trị chiến lược	X					X						X
46	MGT3004	Quản trị dự án	X		X									
47	FIN3001	Tài chính quốc tế			X					X			X	
48	FIN3002	Đầu tư tài chính			X							X		
49	FIN3004	Tài chính công ty			X			X	X					
IV. Học phần chuyên ngành														
<i>Học phần bắt buộc</i>														
50	ACC3001	Kế toán tài chính 2		X	X							X		
51	AUD3002	Ngân hàng tài chính 2		X			X	X	X				X	X
52	ACC3005	Kế toán công ty		X	X			X						
53	AUD3003	Ngân hàng hoạt động		X		X	X	X	X					X
54	ACC3008	Hệ thống thông tin kế toán				X		X	X			X		
55	AUD3006	Thực hành Ngân hàng					X	X				X	X	
<i>Học phần tự chọn</i>														
<i>Chọn ít nhất 5 tín chỉ trong các học phần tự chọn sau:</i>														
56	ACC2002	Kế toán quản trị		X	X	X		X						
57	ACC2004	Kế toán hành chính sự nghiệp		X									X	X
58	ACC3007	Kế toán thuế		X				X	X				X	X

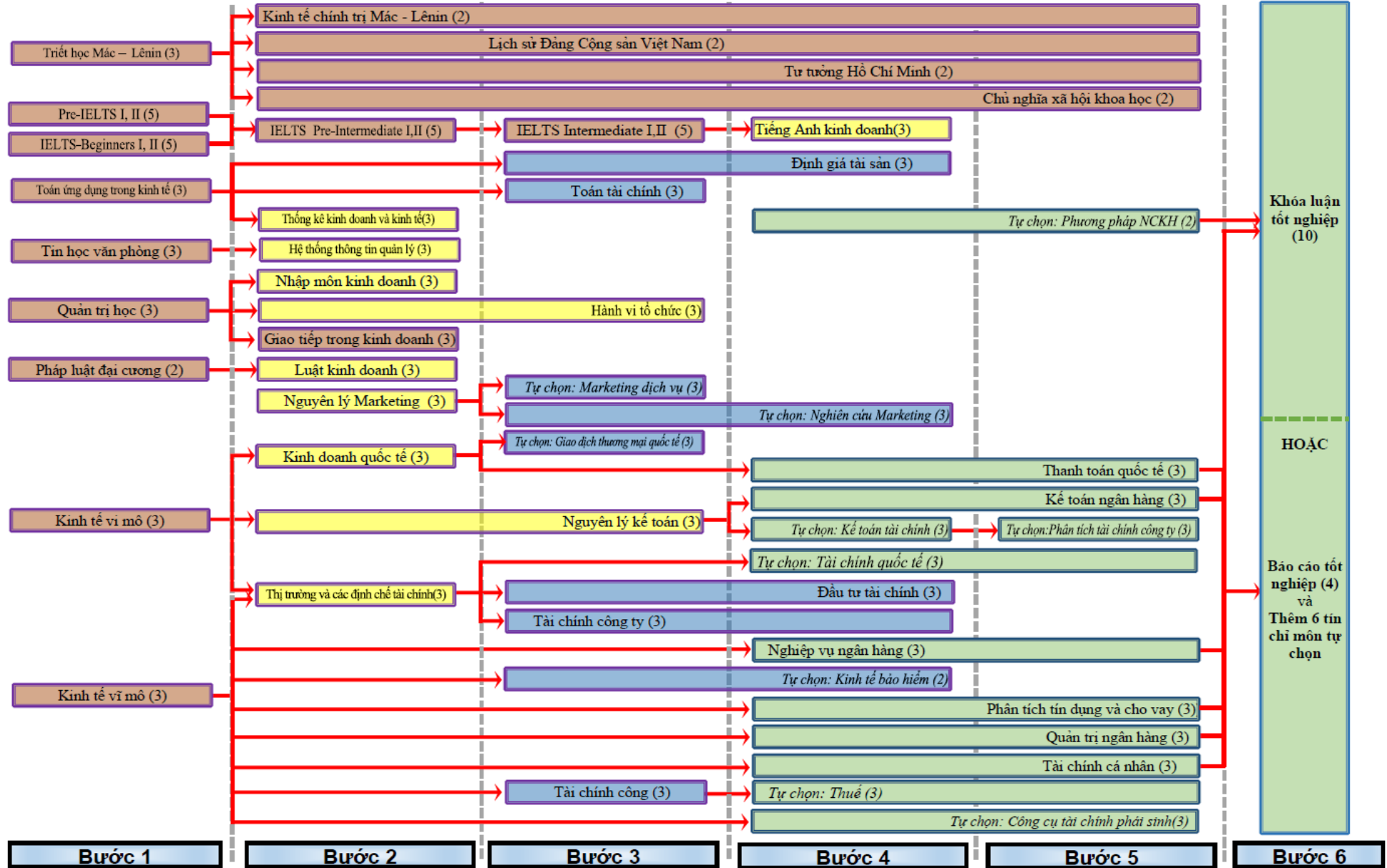
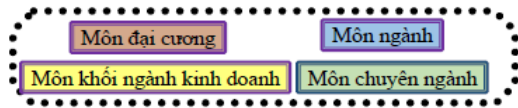
Chương trình đào tạo ngành Ngân hàng

ST T	Mã học phần	Tên học phần	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P
			L	L	L	L	L	L	L	L	L	L	L	L
			O	O	O	O	O	O	O	O	O	O	O	O
			1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
59	AUD3095	Đề án môn học								X			X	
60	RMD3001	Phương pháp nghiên cứu khoa học						X	X	X		X		
V. Thực tập cuối khóa														
<i>Hình thức 1</i>														
61	AUD4001	Báo cáo thực tập tốt nghiệp				X	X		X				X	
<i>Hình thức 2</i>														
62	AUD4002	Khóa luận tốt nghiệp				X	X		X				X	

2.4. Sơ đồ chương trình giảng dạy

Chương trình giảng dạy thể hiện rõ qua lộ trình học của chuyên ngành Ngân hàng như sau:

LỘ TRÌNH HỌC: CN NGÂN HÀNG



2.5. Mô tả các học phần

I. Học phần chung toàn Trường

01. SMT1001 Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin, phần 1 (triết học)

Học phần Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin, phần 1 (triết học) cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về triết học Mác- Lênin, giúp cho người học những hiểu được những nội dung cơ bản về chủ nghĩa duy vật biện chứng, phép biện chứng duy vật, chủ nghĩa duy vật lịch sử. Học phần có vai trò quan trọng trong việc tạo lập kiến thức nền tảng cho người học, rèn luyện tư duy để phát triển kỹ năng. Mục đích của học phần này hướng tới việc trang bị thể giới quan, nhân sinh quan và phương pháp luận của triết học Mác - Lênin, giúp cho người học có quan niệm đúng đắn về xã hội, về con người. Thông qua những nội dung của triết học Mác – Lênin, học phần giúp cho người học có phương pháp giải quyết được những vấn đề do thực tiễn đặt ra.

02. SMT1002 Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác Lênin 2

Học phần được kết cấu thành 2 phần chính. Một là, Học thuyết của chủ nghĩa Mác Lênin về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa. Phần này nghiên cứu các vấn đề kinh tế chính trị của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa trong cả hai giai đoạn là tự do cạnh tranh và giai đoạn độc quyền. Hai là, Lý luận của chủ nghĩa Mác Lênin về chủ nghĩa xã hội, nghiên cứu các vấn đề kinh tế, chính trị, xã hội của phương thức cộng sản chủ nghĩa.

3. SMT1003 Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam

Học phần giúp cho sinh viên hiểu rõ sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam, đường lối của Đảng về cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân và cách mạng xã hội chủ nghĩa đặc biệt là thời kỳ đổi mới; định hướng cho sinh viên phấn đấu theo mục tiêu, lý tưởng của Đảng; nâng cao ý thức trách nhiệm công dân trước trước xã hội, chấp hành chủ trương, pháp luật của Đảng và nhà nước. Ngoài ra, học phần giúp sinh viên có cơ sở vận dụng kiến thức chuyên ngành để giải quyết những vấn đề kinh tế, chính trị, xã hội ... theo đường lối, chính sách của Đảng.

04. SMT1004 Tư tưởng Hồ Chí Minh

Tư tưởng Hồ Chí Minh là môn khoa học cung cấp những kiến thức cơ bản về tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh với ý nghĩa là sự vận dụng sáng tạo lý luận chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện cụ thể Việt Nam, đồng thời là cơ sở lý luận trực tiếp trong việc hoạch định đường lối cách mạng Việt Nam từ 1930 đến nay. Học phần này giúp sinh viên hiểu được một cách tương đối đầy đủ và có hệ thống về bối cảnh lịch sử - xã hội, cơ sở hình thành, phát triển của tư tưởng Hồ Chí Minh; Các nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh về: Vấn đề dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc; về CNXH;.... Trên cơ sở đó góp phần giúp sinh viên hình thành lập trường khoa học và cách mạng, kiên định con đường mà Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng ta đã lựa chọn.

05. LAW1001 Pháp luật đại cương

Học phần Pháp luật đại cương được thiết kế nhằm cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản nhất về Nhà nước và Pháp luật. Nội dung cơ bản của học phần bao gồm: Những vấn đề chung về Nhà nước và pháp luật như Bộ máy nhà nước, Quy phạm pháp luật và Quan hệ pháp luật, Vi phạm pháp luật... Ngoài ra, học phần cũng cung cấp cho người học một số kiến thức cơ bản về phòng chống tham nhũng.

06. TOU1001 Giao tiếp kinh doanh

Học phần được thiết kế nhằm hướng đến việc cung cấp những kiến thức nền tảng căn bản của nghệ thuật giao tiếp trong kinh doanh; cung cấp các nguyên tắc và hướng dẫn vận dụng các kỹ năng cơ bản của giao tiếp để người học có khả năng thực hành giao tiếp trong kinh doanh một cách hiệu quả, có đạo đức và đúng pháp luật; cung cấp các nguyên tắc và hướng dẫn vận dụng các kỹ năng giao tiếp trong môi trường làm việc: từ khi phỏng vấn cho đến khi hoà nhập vào môi trường làm việc, kết hợp với những nghiệp vụ hành chính văn

phòng căn bản. Học phần gồm 12 chương, mỗi một chương đều có đầy đủ các phần như mục tiêu chương, nội dung chương, tình huống thực tế, bài tập tình huống, tóm tắt chương và câu hỏi ôn tập.

07. ENG1011 PRE-IELTS 1

Học phần này được thiết kế tích hợp giữa ba kỹ năng: Nghe, Nói, và Đọc. Nội dung học phần được trình bày trong 10 unit, mỗi unit gồm các bài học về các kỹ năng sử dụng từ vựng và nghe hiểu (ví dụ: hiểu các ý chính và chi tiết về thông tin cá nhân, gia đình, bạn bè, v.v.); và cải thiện các kỹ năng (ví dụ: nắm thông tin chi tiết của các mẫu văn bản ngắn). Ngoài ra, học phần giúp sinh viên phát triển các kiến thức về văn hóa và kỹ năng giao tiếp trong những tình huống thông thường ở cấp độ cơ bản.

08. ENG1012 PRE-IELTS 2

Học phần này được thiết kế tập trung vào các điểm ngữ pháp tiếng Anh cơ bản. Nội dung học phần được trình bày trong 10 unit, mỗi unit gồm các bài học về kỹ năng ngữ pháp, bao gồm phần bài giảng của giáo viên ở lớp cùng với phần bài giáo viên hướng dẫn sinh viên tự học ở nhà.

09. ENG1013 IELTS BEGINNERS 1

Học phần này được thiết kế tích hợp giữa ba kỹ năng: Nghe, Nói, và Đọc cùng với các chủ đề từ vựng. Nội dung học phần được trình bày trong 10 bài học, mỗi bài học cung cấp vốn từ vựng theo chủ đề cụ thể, các kiến thức về văn hóa, và luyện các kỹ năng nghe hiểu, đọc hiểu, giao tiếp theo nhiều tình huống khác nhau trong cuộc sống.

10. ENG1014 IELTS BEGINNERS 2

IELTS BEGINNERS 2 được thiết kế để ôn lại các thì của động từ và giới thiệu những điểm ngữ pháp ở cấp độ tiền trung cấp. Nội dung học phần được trình bày trong 14 unit, mỗi unit gồm các bài học về ngữ pháp, bao gồm phần bài giảng của giáo viên ở lớp cùng với phần bài giáo viên hướng dẫn sinh viên tự học, luyện tập ở nhà.

11. ENG2011 IELTS PRE-INTERMEDIATE 1

Học phần này được thiết kế tích hợp giữa ba kỹ năng: Nghe, Nói, và Đọc. Nội dung học phần được trình bày trong 8 unit, mỗi unit gồm các bài học về các kỹ năng sử dụng từ vựng và nghe hiểu; các kỹ năng về đọc; các kỹ năng giao tiếp trong những tình huống cụ thể.

12. ENG2012 IELTS PRE-INTERMEDIATE 2

Học phần này cung cấp và hướng dẫn các kỹ thuật viết các câu, câu chủ đề, đoạn văn, viết về các sơ đồ.

13. ENG2013 IELTS INTERMEDIATE 1

IELTS Intermediate 1 là học phần nhằm mục đích giúp người học hệ thống lại các dạng bài tập thường gặp trong một bài thi IELTS. Mỗi đơn vị bài học gồm phần hướng dẫn kỹ thuật làm bài kèm các bài tập thực hành, củng cố tại lớp và phần đề xuất tài liệu tự học thêm ngoài giờ học ở lớp. Học phần cung cấp những từ vựng cần thiết cho bài thi IELTS giúp sinh viên xây dựng vốn từ vựng hỗ trợ khi làm bài thi Nghe, Đọc, Viết.

14. ENG2014 IELTS INTERMEDIATE 2

IELTS Intermediate 2 là học phần nhằm mục đích giúp người học hệ thống các dạng bài viết bao gồm Task 1 và Task 2 thường gặp trong một bài thi IELTS. Mỗi đơn vị bài học gồm phần hướng dẫn kỹ thuật làm bài kèm các bài tập thực hành, củng cố tại lớp và phần đề xuất tài liệu tự học thêm ngoài giờ học ở lớp. Học phần cung cấp những từ vựng cần thiết cho bài thi Viết IELTS giúp sinh viên bài văn (essays) trong phần viết Task 1 và Task 2.

15. MIS1001 Tin học văn phòng

Học phần cung cấp cho người học các kiến thức: về mạng máy tính, an toàn và bảo mật thông tin của cá nhân và doanh nghiệp, đồng thời cập nhật các xu hướng công nghệ thông tin hiện đại cho người học. Học phần cũng trang bị cho người học các kỹ năng: tổ chức công việc

cá nhân; làm việc nhóm; lưu trữ, quản lý và khai thác dữ liệu trên môi trường mạng trực tuyến. Kỹ năng sử dụng các phần mềm thông dụng trong công tác văn phòng như: xử lý văn bản nâng cao với MS. Word, sử dụng bảng tính nâng cao với MS. Excel, sử dụng trình chiếu MS. Powerpoint. Các kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả trong hoạt động chuyên môn các chuyên ngành kinh tế và quản lý.

16. MAT1001 Toán ứng dụng trong kinh tế

Học phần Toán ứng dụng trong kinh tế cung cấp cho sinh viên các công cụ toán học cơ bản bao gồm: hàm số, dãy số, chuỗi số, ma trận, hệ phương trình, hệ bất phương trình, vi tích phân, phương trình vi phân, phương trình sai phân, và các ứng dụng của các công cụ toán học này trong việc giải thích, phân tích và giải quyết các vấn đề quan trọng trong kinh tế và kinh doanh. Ngoài ra, học phần giúp sinh viên hiểu rõ bản chất, ý nghĩa của hệ thống các công cụ toán học cơ bản bao gồm lý thuyết ma trận, hệ phương trình, đạo hàm, tích phân, ... là nền tảng để giải thích các hiện tượng và quá trình kinh tế và kinh doanh. Bên cạnh đó, học phần cũng trang bị cho sinh viên kỹ năng ứng dụng các công cụ toán học hữu dụng để giải thích bản chất, mô hình hóa và giải quyết các vấn đề thực tiễn dưới góc độ logic toán học, đồng thời giúp sinh viên có khả năng phân tích, đánh giá các kết quả đạt được, sau đó vận dụng vào các hiện tượng kinh tế và kinh doanh.

17. MGT1001 Kinh tế vi mô

Nội dung môn học gồm tám chương, giới thiệu những vấn đề cơ bản về kinh tế và kinh tế học. Kinh tế vi mô nghiên cứu quyết định lựa chọn của người mua và người bán và xem xét tác động thuế ảnh hưởng đến người mua và người bán. Sau đó, tách riêng nghiên cứu quyết định lựa chọn của người mua, tiếp theo nghiên cứu quyết định lựa chọn của người bán. Từ đó, xem xét quyết định lựa chọn của người mua và người bán theo từng hình thái thị trường gồm thị trường cạnh tranh hoàn hảo; độc quyền; độc quyền nhóm; và cạnh tranh độc quyền.

18. ECO1001 Kinh tế vĩ mô

Kinh tế học vĩ mô nghiên cứu cách thức xã hội sử dụng các nguồn lực khan hiếm trong quá trình sản xuất và phân phối nhằm thỏa mãn tốt nhất nhu cầu của con người. Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về kinh tế học vĩ mô. Bao gồm: Những nguyên lý cơ bản của kinh tế học; Các biến số cơ bản của kinh tế vĩ mô; Tăng trưởng kinh tế và cách thức tạo ra sản lượng của nền kinh tế; Tổng cung, tổng cầu; thất nghiệp và lạm phát; Làm rõ cơ chế hoạt động của thị trường vốn vay, thị trường lao động, thị trường tiền tệ, thị trường ngoại hối... trong dài hạn. Học phần giúp sinh viên hiểu được các biến động kinh tế và cơ chế cân bằng của nền kinh tế trong ngắn hạn và dài hạn cũng như tác động của các chính sách đối với nền kinh tế.

19. MGT1002 Quản trị học

Nhà quản trị ở bất kỳ tổ chức nào (kinh doanh, phi kinh doanh) và ở bất cứ lĩnh vực nào (nguồn nhân lực, sản xuất, tài chính, marketing...) đều thực thi hoạt động quản trị thông qua tiến trình, bao gồm: hoạch định, tổ chức, lãnh đạo và kiểm tra. Học phần này cung cấp kiến thức để người học hiểu rõ công việc nhà quản trị thực hiện tiến trình quản trị để đạt mục tiêu một cách hữu hiệu và hiệu quả trong bối cảnh môi trường của tổ chức.

II. Học phần chung khối ngành

26. ACC1001 Nguyên lý kế toán

Dữ liệu kế toán là cơ sở để đề ra các quyết định trong bất kỳ tổ chức nào. Vì vậy, có được những kiến thức và hiểu biết cơ bản về kế toán trên phương diện lý thuyết cũng như ứng dụng có ý nghĩa quan trọng đối với nhiều người hành nghề trong lĩnh vực kinh tế và kinh doanh. Học phần này cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về các nguyên tắc và áp dụng của kế toán tài chính để họ có thể hiểu được dữ liệu kế toán được xử lý và sử dụng như thế nào trong việc đề ra các quyết định trong các doanh nghiệp. Nội dung chính của học phần bao gồm cân bằng kế toán và quy trình (xử lý thông tin) kế toán, phương pháp kế toán

các yếu tố cơ bản của quá trình kinh doanh, công việc kế toán cuối kỳ, và trình bày các yếu tố cơ bản trên các báo cáo tài chính.

27. MKT2001 Marketing căn bản

Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức nền tảng về marketing và các nguyên lý thực hành marketing trong môi trường kinh doanh hiện đại. Môn học tập trung vào một số vấn đề căn bản của marketing gồm: khái niệm marketing và các khái niệm liên quan nhu cầu khách hàng, thị trường; phân tích cơ hội thị trường; môi trường marketing, phân tích cạnh tranh, thị trường, nhu cầu và hành vi khách hàng; các hoạt động marketing trong doanh nghiệp như chiến lược marketing, phát triển sản phẩm, định giá, phân phối, bán hàng, quảng cáo và khuyến mãi.

28. MIS2002 Hệ thống thông tin quản lý

Học phần giới thiệu cho sinh viên vai trò của thông tin trong việc hỗ trợ các hoạt động kinh doanh, quản lý ra quyết định và xây dựng chiến lược của tổ chức; tầm quan trọng của hệ thống thông tin quản lý trong xu thế kinh doanh toàn cầu; hạ tầng công nghệ thông tin và việc ứng dụng hệ thống thông tin trong thời đại số; qui trình phát triển hệ thống thông tin; các vấn đề đạo đức và xã hội trong hệ thống thông tin; các vấn đề an toàn và bảo mật hệ thống thông tin; việc xây dựng và thực hiện các dự án phát triển hệ thống thông tin.

29. HRM2001 Hành vi tổ chức

Học phần Hành vi tổ chức được thiết kế tám chương; Ngoài chương tổng quan, chương 2 đến chương 4 đề cập đến hành vi của cá nhân trong tổ chức gồm thái độ, sự thoả mãn trong công việc, tính cách và giá trị, nhận thức và việc ra quyết định của cá nhân; Chương 5 xem xét vấn đề động lực và tạo động lực; Chương 6 bàn đến nhóm và hành vi cá nhân trong nhóm; Chương 7 và 8 bàn về giao tiếp trong tổ chức và văn hóa tổ chức. Học phần thiết kế nhằm giúp người học: nhận biết và phát hiện được hành vi của cá nhân, hành vi nhóm; biết sử dụng các kiến thức đã học để đánh giá đặc điểm, quản lý các hành vi của bản thân; xây dựng mối quan hệ như gắn kết, tạo động cơ, đồng cảm, chia sẻ trong nhóm qua đó tạo dựng các mối quan hệ của bản thân với đồng nghiệp, các nhà quản lý, cấp dưới và với khách hàng; tham gia tích cực và hiệu quả vào hoạt động của tổ chức, có khả năng xử lý các mối quan hệ trong tổ chức một cách chuyên nghiệp, tôn trọng người khác và ra quyết định phù hợp với đạo lý.

30. STA2002 Thống kê kinh doanh và kinh tế

Học phần cung cấp một cách có hệ thống kiến thức và rèn luyện kỹ năng về việc ứng dụng các phương pháp thống kê nhằm thu thập, tổ chức, trình bày, phân tích và diễn giải dữ liệu về các hiện tượng kinh tế và kinh doanh. Các chủ đề của học phần bao gồm: giới thiệu các ứng dụng của thống kê và các thuật ngữ chuyên môn, mô tả tóm tắt dữ liệu, biến ngẫu nhiên và phân phối xác suất, lấy mẫu và ước lượng các tham số của tổng thể từ dữ liệu mẫu, kiểm định các giả thuyết về tổng thể, phân tích mối liên hệ giữa các hiện tượng, phân tích dữ liệu thời gian, phương pháp tính các chỉ số, dự đoán tương lai của các hiện tượng, phân tích phương sai trên các mô hình thiết kế thực nghiệm.

31. FIN2001 Thị trường và các định chế tài chính

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về các thành phần chủ yếu và mối quan hệ giữa các thành phần này trong hệ thống tài chính. Cụ thể, sinh viên sẽ được trang bị kiến thức nền tảng về thị trường tài chính, bao gồm thị trường tiền tệ, thị trường trái phiếu, thị trường cổ phiếu và thị trường chứng khoán phái sinh. Đồng thời, học phần cũng giới thiệu đến người học các định chế tài chính, bao gồm ngân hàng thương mại và các định chế tài chính phi ngân hàng. Ngoài ra, người học sẽ được trang bị những kiến thức cơ bản về lãi suất - một yếu tố quan trọng của thị trường tài chính và kiến thức cơ bản về hoạt động của ngân hàng trung ương.

32. MGT2002 Nhập môn kinh doanh

Nhập môn kinh doanh là học phần được xây dựng nhằm cung cấp cho người học những khái niệm, nội dung cơ bản về cách thức hình thành và quản lý một doanh nghiệp. Đối với sinh viên thuộc các ngành kinh doanh, học phần nhập môn kinh doanh cung cấp những khái niệm cơ bản đầu tiên, tạo nền tảng kiến thức để sinh viên tiếp tục học các môn học về quản trị và kinh doanh chuyên sâu. Đối với sinh viên không thuộc các ngành kinh doanh, học phần nhập môn kinh doanh cung cấp cho sinh viên các kiến thức nền tảng cơ bản về kinh doanh, để cho dù tốt nghiệp bất cứ ngành nào, lĩnh vực nào, người học cũng có đủ kiến thức cơ bản để khởi nghiệp và quản lý một tổ chức kinh doanh nhỏ. Nội dung môn học gồm sáu chương, chương 1 giới thiệu chung về kinh doanh, doanh nghiệp, môi trường kinh doanh và vấn đề về đạo đức kinh doanh cũng như trách nhiệm xã hội. Chương 2 giới thiệu những kiến thức cơ bản về lựa chọn loại hình doanh nghiệp, đồng thời khơi dậy tinh thần doanh nghiệp và doanh nhân. Các chương tiếp theo tập trung giới thiệu những kiến thức cơ bản về 4 hoạt động chính của doanh nghiệp là quản trị sản xuất, quản trị nguồn nhân lực, quản trị marketing và hoạt động kế toán.

33. IBS2001 Kinh doanh quốc tế

Các nhà quản lý và doanh nghiệp khi kinh doanh quốc tế sẽ đối mặt với sự khác biệt về kinh tế chính trị và văn hóa. Ngoài ra, hoạt động kinh doanh quốc tế sẽ đối mặt với chính sách phân biệt đối xử giữa doanh nghiệp trong nước và doanh nghiệp nước ngoài của nước sở tại trong thương mại và đầu tư. Môn học này sẽ giúp người học kiến thức về sự khác biệt giữa các quốc gia, động cơ và nội dung của các chính sách thương mại và đầu tư quốc tế và cách thức mà các doanh nghiệp giải quyết các cơ hội và thách thức này.

34. LAW2001 Luật kinh doanh

Luật kinh doanh là học phần giúp sinh viên nắm vững quy định pháp luật và nhận thức rõ hơn về vai trò của các loại hình doanh nghiệp, các chủ thể kinh doanh, hợp đồng cũng như phá sản doanh nghiệp; xác định được vị trí, vai trò của các thiết chế có sự ảnh hưởng đến hoạt động kinh tế ở nước ta. Học phần trình bày những vấn đề cơ bản về chủ thể kinh doanh theo quy định của pháp luật Việt Nam, các quy định về hợp đồng; các quy định về giải quyết tranh chấp trong kinh doanh, thương mại; và các quy định về phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã.

35. ENG3001 Tiếng Anh kinh doanh

Tiếng Anh kinh doanh là môn tiếng Anh tích hợp các kỹ năng ngôn ngữ phù hợp cho sinh viên ở trình độ trung cấp. Học phần này bao gồm các nội dung được thiết kế nhằm đáp ứng nhu cầu của sinh viên muốn học “kinh doanh” thông qua ngôn ngữ và thực hiện các tác nghiệp kinh doanh quen thuộc bằng tiếng Anh. Học phần này bao quát những vấn đề quan trọng trong kinh doanh như thị trường, xây dựng thương hiệu, đặt hàng, tiếp nhận và xử lý đơn đặt hàng, thương lượng, giao tiếp thư từ. Ngoài ra, sinh viên có cơ hội thực hành các kỹ năng như: hội họp, báo cáo kinh doanh thông qua diễn giải đồ thị và kỹ năng thương lượng.

III. Học phần chung của ngành

❖ Học phần bắt buộc

36. BAN2001 Tài chính công

Học phần này cung cấp cho học viên các kiến thức về khu vực công và vai trò của chính phủ; hiệu quả thị trường và công bằng xã hội; hàng hóa công và chi tiêu công; lý thuyết thuế và khuôn khổ phân tích thuế hiệu quả và tối ưu; cấu trúc ngân sách nhà nước, nợ công và tài trợ bội chi ngân sách

37. BAN3001 Định giá tài sản

Học phần Định giá tài sản cung cấp cho người học: Kiến thức cơ bản về khoa học định giá (bao gồm: bản chất và cơ sở giá trị tài sản, nhận diện và phân loại các tài sản là đối tượng của hoạt động định giá,...). Kiến thức về bản chất, nguyên tắc và nội dung các phương pháp

định giá chủ yếu phù hợp từng loại tài sản cụ thể, như: máy móc, thiết bị, tài sản vô hình, bất động sản,... Kiến thức và kỹ năng tổ chức thực hành hoạt động định giá đối với các loại tài sản cụ thể, phù hợp với các quy định pháp lý đang có hiệu lực và những tiêu chuẩn nghề nghiệp được thừa nhận. Kỹ năng phân tích và ra quyết định độc lập, kỹ năng truyền thông và làm việc nhóm thông qua giải quyết các tình huống định giá tài sản thực tế.

38. BAN3002 Toán tài chính

Học phần Toán tài chính cung cấp những kiến thức cơ bản trong các nghiệp vụ tài chính ngắn hạn và dài hạn cụ thể như: các phương pháp tính lãi, cách thức phân tích và định giá các dòng tiền của các khoản cho vay, hợp đồng bảo hiểm, trái phiếu và các chứng khoán khác, cách thức lập thời biểu trả nợ vay, cách thức định giá chứng khoán phái sinh.

39. FIN3002 Đầu tư tài chính

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức nền tảng về đầu tư tài chính, trên cơ sở đó có thể tiếp cận với quản trị đầu tư tài chính hiện đại. Người học sẽ được trang bị những kiến thức nền tảng về các lý thuyết đầu tư, hiểu được một cách toàn diện quan hệ rủi ro-lợi tức, các mô hình định giá tài sản tài chính cũng như nghiên cứu những phát triển gần đây trong quản trị danh mục đầu tư tài chính. Học phần cũng cung cấp những kiến thức về các công cụ tài chính được sử dụng trong đầu tư và quản trị rủi ro.

40. FIN3004 Tài chính công ty

Học phần này cung cấp những kiến thức cơ bản tài chính công ty nhằm đáp ứng nhu cầu nhận thức, phân tích, đánh giá và quản lý hoạt động tài chính của công ty. Nội dung kiến thức chính của học phần gắn liền các quyết định đầu tư, tài trợ, phân chia cổ tức. Học phần cũng cung cấp các kiến thức nền tảng về giá trị của tiền theo thời gian, dòng tiền chiết khấu, quan hệ doanh lợi và rủi ro cũng như các kiến thức có tính tổng hợp như báo cáo tài chính và phân tích báo cáo tài chính của công ty.

❖ Học phần tự chọn

41. HOS3001 Marketing dịch vụ

Học phần marketing dịch vụ giới thiệu và giúp sinh viên biết được những vấn đề liên quan đến marketing dịch vụ, so sánh sự khác nhau và giống nhau giữa marketing dịch vụ và marketing sản phẩm hữu hình. Học phần marketing dịch vụ cung cấp cho sinh viên những kiến thức căn bản về chất lượng dịch vụ, nhận biết các yếu tố tác động đến chất lượng dịch vụ, phương pháp đo lường chất lượng dịch vụ của một doanh nghiệp, vì các doanh nghiệp ngày nay đòi hỏi phải chú trọng đến khả năng làm hài lòng khách hàng, chất lượng dịch vụ, dịch vụ khách hàng...

42. MKT3002 Nghiên cứu marketing

Học phần này cung cấp cho sinh viên về quá trình hoạch định và thu thập được những thông tin thích hợp, khách quan, chính xác và đúng lúc. Từ đó hiểu rõ kỳ vọng và nhu cầu thực tiễn của thị trường mục tiêu, và dựa vào đó mà đưa ra những quyết định quan trọng trong quản trị marketing như phân khúc khách hàng, định vị phù hợp thương hiệu, xây dựng và triển khai các chiến lược marketing thực thi thành công. Cuối cùng, đối với một số sinh viên, môn học nghiên cứu marketing sẽ là phần giới thiệu để họ lựa chọn nghề nghiệp.

43. BAN3015 Kinh tế bảo hiểm

Học phần Kinh tế bảo hiểm cung cấp cho sinh viên những kiến thức liên quan đến bảo hiểm: bản chất, vai trò, nguyên tắc cơ bản của bảo hiểm. Ngoài ra những chủ đề chuyên sâu về các nghiệp vụ bảo hiểm cụ thể như: bảo hiểm tài sản, bảo hiểm con người, bảo hiểm trách nhiệm... cũng được nghiên cứu. Học phần này cũng chú trọng đến việc rèn luyện cho sinh viên kỹ năng làm việc nhóm cũng như thuyết trình.

44. IBS2003 Giao dịch thương mại quốc tế

Học phần giao dịch thương mại quốc tế cung cấp cho người học kiến thức tổng quan chung và các nghiệp vụ trong giao dịch thương mại quốc tế, cụ thể là Các khái niệm, đặc trưng và cơ sở pháp lý của giao dịch mua bán hàng hoá quốc tế. Cách thức vận dụng các điều khoản (hàng hoá, chất lượng, số lượng, giá cả & thanh toán, giao nhận, pháp lý...) và một số quy tắc trong mua bán hàng hóa quốc tế (Incoterms 2020, UCP 600, URC 522, ICC 2009...) trong đàm phán, soạn thảo, ký kết hợp đồng ngoại thương. Quy trình tổ chức thực hiện hợp đồng xuất khẩu, nhập khẩu; đặc trưng, và cách kiểm tra các chứng từ trong giao dịch thương mại quốc tế. Đặc điểm, nội dung và cách thức triển khai thực hiện các phương thức giao dịch thương mại chủ yếu hiện nay trên thị trường thế giới.

IV. Học phần chuyên ngành

❖ Học phần bắt buộc

45. BAN3003 Nghiệp vụ ngân hàng

Học phần giúp sinh viên hiểu rõ về định chế NHTM, phân biệt loại hình NHTM với các định chế tài chính khác trong nền kinh tế; nắm vững các nghiệp vụ trong hoạt động kinh doanh của NHTM, qua đó có khả năng quan hệ, đánh giá, lựa chọn, mua và sử dụng các dịch vụ của NHTM: dịch vụ tiền gửi, dịch vụ tín dụng, dịch vụ ngân quỹ và các dịch vụ tài chính khác. Học phần cũng giới thiệu những vấn đề cơ bản về NHTW, giúp sinh viên giải thích được cách thức tác động của NHTW đối với hoạt động của NHTM. Ngoài ra học phần góp phần giúp sinh viên rèn luyện tính chuyên cần, trung thực.

46. BAN3004 Kế toán ngân hàng

Học phần kế toán ngân hàng giúp sinh viên có những hiểu biết về: Tổ chức hệ thống kế toán ngân hàng kinh doanh; hoạt động kế toán các nghiệp vụ trong ngân hàng kinh doanh như: Nghiệp vụ ngân quỹ, Nghiệp vụ tiền gửi, Nghiệp vụ đầu tư tài chính, Nghiệp vụ cấp tín dụng và Nghiệp vụ huy động vốn. Đồng thời, học phần cũng trang bị cho học viên: Bản chất, cơ chế, quy trình nghiệp vụ, nội dung kế toán của hoạt động thanh toán trong ngân hàng xét ở 2 phương diện: (1) quan hệ giữa khách hàng với ngân hàng và (2) quan hệ giữa các ngân hàng với nhau. Hơn nữa, học phần cũng trang bị cho sinh viên các hiểu biết về: Nguyên tắc, phương pháp và nội dung kế toán các nghiệp vụ liên quan đến ngoại tệ cũng như về cơ chế, nội dung kế toán về xác định kết quả kinh doanh, phân phối lợi nhuận, vốn của ngân hàng và Báo cáo tài chính và Phương pháp lập báo cáo tài chính trong ngân hàng kinh doanh.

47. BAN3005 Quản trị ngân hàng

Quản trị ngân hàng đề cập các kiến thức và kỹ năng về quản trị ngân hàng, tổ chức và điều hành hoạt động ngân hàng. Nội dung của học phần tập trung vào những vấn đề cốt lõi của quản trị hoạt động ngân hàng mà trọng tâm là cơ sở khoa học của các quyết định trong hoạt động quản trị bao gồm: quản trị rủi ro lãi suất; quản trị nguồn vốn; quản trị thanh khoản và quản trị rủi ro tín dụng. Học phần cũng cung cấp cho người học kỹ năng phân tích, đánh giá thu nhập, chi phí, khả năng sinh lời và rủi ro trong hoạt động kinh doanh ngân hàng. Ngoài ra, học phần còn rèn luyện cho sinh viên kỹ năng làm việc nhóm cũng như thuyết trình.

48. BAN3006 Thanh toán quốc tế

Học phần Thanh toán quốc tế cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản trong hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu và ngân hàng, bao gồm: Hoạt động kinh doanh quốc tế và thanh toán quốc tế; Cách đọc, hiểu và xác định tỷ giá; Các chứng từ được sử dụng trong các hợp đồng ngoại thương cũng như những rủi ro, bất hợp lệ thường gặp của các chứng từ này và biện pháp phòng tránh; Các nguồn luật và các phương tiện thanh toán áp dụng trong ngoại thương như: Hối phiếu, lệnh phiếu, séc, thẻ thanh toán; Các phương thức thanh toán quốc tế cùng với ưu, nhược điểm và cơ sở để vận dụng từng phương thức một cách hợp lý trong thanh toán quốc tế.

49. BAN3007 Phân tích tín dụng và cho vay

Học phần Phân tích tín dụng và cho vay cung cấp cho sinh viên những kiến thức liên quan đến kỹ thuật phân tích tín dụng và xử lý khoản vay có vấn đề của NHTM: quy trình, nội dung phân tích tín dụng, kỹ thuật đánh giá rủi ro và nhận biết, xử lý khoản vay có vấn đề. Ngoài ra, những chủ đề chuyên sâu như phân tích báo cáo tài chính, hiệu quả tài chính dự án, tư cách người vay và các nội dung phân tích tín dụng trong lĩnh vực đặc thù về cho vay xuất nhập khẩu, cho thuê tài chính, bảo lãnh, cho vay tiêu dùng... cũng được nghiên cứu. Học phần này cũng chú trọng rèn luyện cho sinh viên kỹ năng làm việc nhóm, thuyết trình phục vụ cho nghề nghiệp cho vay.

50. BAN3008 Tài chính cá nhân

Học phần Tài chính cá nhân cung cấp những kiến thức cần thiết đối với một cá nhân hay một gia đình trong việc quản lý ngân sách, tiết kiệm, chi tiêu, và đầu tư có tính đến những rủi ro tài chính và các biến cố của cuộc sống trong tương lai. Theo đó, tài chính cá nhân sẽ trang bị cho người học những kiến thức về hoạch định tài chính cá nhân, quản lý tiền tệ, bảo vệ an toàn tài sản và thu nhập, đầu tư tài chính cá nhân, hoạch định hưu trí và di sản. Điều này rất cần thiết cho cuộc sống tự lập và tự quản lý được chi tiêu của người học và gia đình. Ngoài ra, người học có thể vận dụng những kiến thức này để thực hiện công việc tư vấn tài chính cá nhân tại các tổ chức tài chính.

❖ Học phần tự chọn

51. ACC2003 Kế toán tài chính

Học phần giúp người học hiểu sâu sắc bản chất, chức năng, nội dung và phương pháp của kế toán tài chính. Cụ thể học phần cung cấp các nội dung về các cách phân loại chi phí, các phương pháp tính giá, lập dự toán và kiểm soát chi phí, phân tích chi phí trong quan hệ với sản lượng và lợi nhuận, và phân tích thông tin thích hợp hỗ trợ cho việc ra quyết định của nhà quản trị.

52. ACC3004 Phân tích tài chính doanh nghiệp

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức về sử dụng thông tin trong báo cáo tài chính và các thông tin liên quan khác có liên quan để đánh giá tình trạng tài chính và định giá doanh nghiệp. Cụ thể, học phần này giúp sinh viên hiểu biết về thông tin cung cấp trong báo cáo tài chính và các tài liệu liên quan khác cũng như các kỹ thuật phân tích tài chính và định giá doanh nghiệp. Từ đó, sinh viên có khả năng phân tích cấu trúc tài chính, phân tích hiệu quả, rủi ro kinh doanh

.53. BAN3014 Thuế

Học phần này cung cấp những kiến thức liên quan đến các loại thuế chủ yếu như thuế giá trị gia tăng, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân. Học phần nhấn mạnh đến nguyên tắc tính, phản ánh và lập báo cáo thuế giá trị gia tăng, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế thu nhập doanh nghiệp và thuế thu nhập cá nhân cũng như ứng dụng các nguyên tắc này trong các doanh nghiệp.

54. FIN3001 Tài chính quốc tế

Nội dung chính của học phần tập trung vào tác động của tỷ giá hối đoái lên hoạt động của các công ty đa quốc gia và các chiến lược phòng ngừa rủi ro tỷ giá hối đoái. Ngoài ra, học phần cũng nghiên cứu mối quan hệ tác động qua lại lẫn nhau trong lĩnh vực tiền tệ và chính sách vĩ mô giữa các quốc gia, như: lạm phát, lãi suất, tỷ giá hối đoái, cán cân thanh toán quốc tế và hợp tác quốc tế trong lĩnh vực tài chính - tiền tệ - ngân hàng. Lý thuyết về đầu tư nước ngoài, bao gồm đầu tư trực tiếp và đầu tư gián tiếp, quản trị vốn quốc tế cũng được trình bày và phân tích trong học phần này. Bên cạnh đó, học phần cung cấp những ví dụ thực tế cụ thể,

những bài tập ứng dụng nhằm trang bị cho sinh viên kỹ năng tư duy, phân tích và giải quyết các vấn đề thực tiễn trong quản lý và trong hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

55. FIN3003 Công cụ tài chính phái sinh

Môn học này được thiết kế để cung cấp cho sinh viên những kiến thức về chứng khoán phái sinh và thị trường tài chính phái sinh để giúp cho học viên biết cách phân tích và áp dụng các công cụ phái sinh cho mục đích đầu cơ và mục đích phòng ngừa rủi ro.

56. RMD3001 Phương pháp nghiên cứu khoa học

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức tổng quan về nghiên cứu kinh doanh, có gắn với đặc thù Ngân hàng. Học phần bao gồm cả nghiên cứu định lượng và nghiên cứu định tính, cung cấp cho sinh viên kiến thức về xác định vấn đề nghiên cứu, tổng quan tài liệu, thiết kế nghiên cứu, chọn mẫu, sử dụng công cụ thống kê và trình bày kết quả thống kê. Học phần cũng cung cấp cho sinh viên kỹ năng viết báo cáo kết quả nghiên cứu.

V. Thực tập cuối khóa

❖ Hình thức 1

61. BAN4001 Báo cáo thực tập tốt nghiệp

Học phần báo cáo thực tập tốt nghiệp Trang bị cho sinh viên kỹ năng thực hành trong môi trường làm việc thực tế. Vận dụng những kiến thức và kỹ năng đã được học vào thực tiễn hoạt động của các định chế tài chính. Qua đợt thực tập, sinh viên còn được rèn luyện tác phong làm việc chuyên nghiệp trong môi trường làm việc thực tế.

❖ Hình thức 2

60. BAN4002 Khóa luận tốt nghiệp

Học phần trang bị cho sinh viên kỹ năng thực hành trong môi trường làm việc thực tế. Vận dụng những kiến thức và kỹ năng đã được học vào thực tiễn hoạt động tại các định chế tài chính. Đặc biệt, các kỹ năng viết, thuyết trình và bảo vệ quan điểm cá nhân được tiếp tục phát triển thông qua học phần này. Qua đợt thực tập, sinh viên còn được rèn luyện tác phong làm việc chuyên nghiệp trong môi trường làm việc thực tế.

3. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Chương trình đào tạo này được áp dụng từ năm 2015, và được cập nhật đến năm 2020. Tất cả các hoạt động giảng dạy, học tập và đánh giá được thực hiện phù hợp với bản đặc tả chương trình đào tạo này. Với những học phần tự chọn, tùy thuộc vào tình hình thực tế của xu thế phát triển, nhu cầu xã hội, khoa sẽ tư vấn cho sinh viên lựa chọn những học phần thích hợp.

Trường khoa chịu trách nhiệm tổ chức và hướng dẫn các nguyên tắc để phát triển đề cương chi tiết nhằm đảm bảo mục tiêu, nội dung và các yêu cầu được đáp ứng, đồng thời, thỏa mãn được nhu cầu của người học và xã hội. Dựa trên đề cương chi tiết các học phần, kinh phí cho thực hành, thực tập và tăng cường trang thiết bị cho mỗi học phần và toàn bộ khóa học được xác định. Trường các bộ phận liên quan sẽ phải kiểm tra, đánh giá và trình Hiệu trưởng phê duyệt.

Chương trình đào tạo được rà soát và cập nhật hàng năm (thường là những thay đổi nhỏ như chính sách tuyển sinh, đề cương học phần, tài liệu giảng dạy và học tập) và rà soát 5 năm một lần (chủ yếu xem xét lại CDR của chương trình, thêm hoặc bỏ bớt các học phần) để đáp ứng nhu cầu của các bên có liên quan. Khoa sẽ nộp bản báo cáo cho Trường để xem xét và phê chuẩn theo quy định hiện hành.

Đà Nẵng, tháng 03 năm 2020
Trưởng Khoa ngân hàng